

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố công khai thực hiện dự toán thu chi ngân sách
quý 4 năm 2024 của Trường Tiểu học Nguyễn Thị Định**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG TIỂU HỌC NGUYỄN THỊ ĐỊNH

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/06/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách Nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/09/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 61/2017/TT-BTC ngày 15/06/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách Nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 48/QĐ-UB.TC ngày 20/03/2001 của Ủy ban nhân dân quận 7 về việc thành lập Trường tiểu học Công lập Nguyễn Thị Định - Quận 7 và Quyết định số 3088/QĐ-UBND ngày 27/11/2020 của Ủy ban nhân dân quận 7 về việc tổ chức lại Trường Tiểu học Nguyễn Thị Định;

Căn cứ Quyết định số 4539/QĐ-UBND ngày 29/12/2023 về giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2024;

Căn cứ Quyết định số 1877/QĐ-UBND ngày 26/08/2024 về điều chỉnh dự toán chi ngân sách năm 2024 cho các Trường tiểu học công lập trực thuộc quận;

Căn cứ Quyết định số 2268/QĐ-UBND ngày 11/10/2024 về việc điều chỉnh dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2024;

Căn cứ Quyết định số 2564/QĐ-UBND ngày 24/10/2024 về việc điều chỉnh dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2024;

Căn cứ Công văn số 6811/UBND-TCKH ngày 24/10/2024 về số sử dụng từ nguồn cải cách tiền lương ngân sách Thành phố giao dự toán năm 2024 và nguồn cải cách tiền lương năm trước chuyển sang để thực hiện chi phần chênh lệch tăng thêm (lần 2);

Căn cứ Quyết định số 2819/QĐ-UBND ngày 14/11/2024 về việc bổ sung dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2024 (Tăng mức lương cơ sở, quỹ tiền thưởng, quỹ phụ cấp của người hoạt động không chuyên trách ở khu phố, thu nhập tăng thêm);

Căn cứ Quyết định số 2812/QĐ-UBND ngày 14/11/2024 về việc điều chỉnh dự toán chi ngân sách năm 2024;

Căn cứ Quyết định số 3103/QĐ-UBND ngày 05/12/2024 về việc cắt giảm, tiết kiệm 5% chi thường xuyên năm 2024 theo Nghị quyết số 119/NQ-CP ngày 07 tháng 08 năm 2024 của Chính phủ.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu thực hiện dự toán thu – chi ngân sách quý 4 năm 2024 (chi tiết theo biểu đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Toàn thể cán bộ, viên chức trường Tiểu học Nguyễn Thị Định chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Phòng TCKH Q7;
- Như Điều 3;
- Website;
- Lưu: VT, KT.



**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**

Nguyễn Thị Kim Phượng

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH
QUÝ 4 NĂM 2024

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị
dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

- Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;
- Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 09 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ
- Trường tiểu học Nguyễn Thị Định công khai tình hình thực hiện dự toán thu-chi ngân sách quý 4/2024 như sau:

ĐV tính: đồng

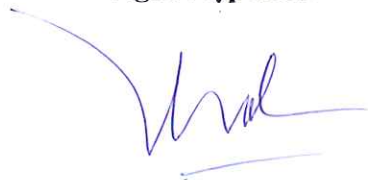
Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý/6 tháng/9 tháng/năm	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý (6 tháng, 9 tháng, năm) nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	-	-		
I	Số thu phí, lệ phí	-	-		
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại	-	-		
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước	-	-		
B	Thu chi hoạt động sự nghiệp, thu hộ chi hộ				
I	Số thu sự nghiệp, thu hộ:	26.021.851.330	11.729.168.624	45%	94%
1	Thu sự nghiệp:	12.316.301.250	5.254.322.000	43%	89%
	- Tổ chức dạy học hai buổi/ngày	143.088.750	0	0%	0%
	- Tiếng Anh tăng cường	741.750.000	448.500	0%	0%
	- Tiếng Anh tích hợp	918.000.000	484.049.000	53%	111%
	- Tiếng Anh với Giáo viên nước ngoài	1.976.250.000	880.650.000	45%	98%
	- Tổ chức học Tin học	44.437.500	0	0%	0%
	- Giáo dục kỹ năng sống	1.190.000.000	523.200.000	44%	96%
	- Tiếng Anh Toán, Khoa	3.102.500.000	1.324.500.000	43%	93%
	- Năng khiếu	578.000.000	197.500.000	34%	100%
	- Tổ chức Học bơi	376.125.000	86.199.000	23%	30%
	- Tổ chức phục vụ, quản lý và vệ sinh bán trú	2.991.150.000	1.509.675.500	50%	110%
	- Thiết bị vật dụng phục vụ học sinh bán trú	255.000.000	248.100.000	97%	96%
2	Doanh thu tài chính	11.052.244	2.513.510	23%	107%
	- Lãi ngân hàng	11.052.244	2.513.510	23%	107%

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý/6 tháng/9 tháng/năm	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý (6 tháng, 9 tháng, năm) nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
3	Thu nhập khác	4.480.000	1.640.000	37%	37%
	- Thanh lý tài sản	4.480.000	1.640.000	37%	37%
4	Phải trả khách hàng	3.000.000	0	0%	
	- Phí chuyển khoản lương	3.000.000	0	0%	
5	Thu hộ:	13.687.017.836	6.470.693.114	47%	100%
	- Tiền ăn bán trú	11.126.500.000	4.379.278.678	39%	94%
	- Nước uống bán trú	223.125.000	98.100.000	44%	96%
	- Tiền điện, bảo trì máy lạnh	416.500.000	183.120.000	44%	96%
	- Sổ liên lạc điện tử	157.500.000	65.420.000	42%	80%
	- Học phẩm, Đề kiểm tra	87.500.000	85.300.000	97%	97%
	- Bảo hiểm y tế học sinh	1.309.653.520	1.512.926.100	116%	123%
	- Chăm sóc sức khỏe ban đầu (BHYTHS)	77.694.189	90.598.500	117%	
	- Hỗ trợ công tác thu (BHYTHS)	38.437.127	22.199.836	58%	629%
	- Hướng dẫn thực tập sư phạm	53.000.000	0	0%	
	- Khen thưởng HS, GV, TT	116.800.000	2.570.000	2%	2%
	- Ngày hội học thông qua chơi	30.000.000	0	0%	
	- Hỗ trợ chi phí học tập	18.900.000	18.900.000	100%	100%
	- Phí YoYoSchool	31.408.000	12.280.000	39%	
II	Số chi sự nghiệp, chi hộ:	26.021.851.330	11.001.117.170	42%	92%
I	Chi sự nghiệp:	12.316.301.250	4.578.816.950	37%	83%
	- Tổ chức dạy học hai buổi/ngày	143.088.750	11.009.669	8%	8%
	- Tiếng Anh tăng cường	741.750.000	106.030.732	14%	31%
	- Tiếng Anh tích hợp	918.000.000	148.752.856	16%	61%
	- Tiếng Anh với Giáo viên nước ngoài	1.976.250.000	855.738.000	43%	87%
	- Tổ chức học Tin học	44.437.500	3.063.499	7%	9%
	- Giáo dục kỹ năng sống	1.190.000.000	498.498.200	42%	89%
	- Tiếng Anh Toán, Khoa	3.102.500.000	1.261.682.992	41%	88%
	- Năng khiếu	578.000.000	191.925.600	33%	90%
	- Tổ chức Học bơi	376.125.000	85.868.010	23%	52%
	- Tổ chức phục vụ, quản lý và vệ sinh bán trú	2.991.150.000	1.336.921.002	45%	97%
	- Thiết bị vật dụng phục vụ học sinh bán trú	255.000.000	79.326.390	31%	135%
2	Doanh thu tài chính	11.052.244	1.597.415	14%	968%
	- Lãi ngân hàng	11.052.244	1.597.415	14%	968%
3	Thu nhập khác	4.480.000	0	0%	
	- Thanh lý tài sản	4.480.000	0	0%	
4	Phải trả khách hàng	3.000.000	0	0%	0%
	- Phí chuyển khoản lương	3.000.000	0	0%	0%
5	Chi hộ:	13.687.017.836	6.420.702.805	47%	100%

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý/6 tháng/9 tháng/năm	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý (6 tháng, 9 tháng, năm) nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
	- Tiền ăn bán trú	11.126.500.000	4.495.706.240	40%	95%
	- Nước uống bán trú	223.125.000	83.969.083	38%	144%
	- Tiền điện, bảo trì máy lạnh	416.500.000	159.924.811	38%	101%
	- Sổ liên lạc điện tử	157.500.000	67.958.200	43%	97%
	- Học phẩm, Đề kiểm tra	87.500.000	35.873.766	41%	102%
	- Bảo hiểm y tế học sinh	1.309.653.520	1.519.338.870	116%	123%
	- Chăm sóc sức khỏe ban đầu (BHYTHS)	77.694.189	24.990.600	32%	50%
	- Hỗ trợ công tác thu (BHYTHS)	38.437.127	1.139.235	3%	32%
	- Hướng dẫn thực tập sư phạm	53.000.000	0	0%	
	- Khen thưởng HS, GV, TT	116.800.000	0	0%	0%
	- Ngày hội học thông qua chơi	30.000.000	0	0%	
	- Hỗ trợ chi phí học tập	18.900.000	18.900.000	100%	100%
	- Phí YoYoSchool	31.408.000	12.902.000	41%	
C	Dự toán chi ngân sách nhà nước	22.258.000.000	10.938.377.093	49%	163%
I	Nguồn ngân sách trong nước	22.258.000.000	10.938.377.093	49%	163%
1	Chi quản lý hành chính	0	0		
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	0	0		
3	Chi sự nghiệp giáo dục và đào tạo	22.258.000.000	10.938.377.093	49%	163%
3.1	Kinh phí chi thường xuyên (nguồn 13)	11.030.000.000	5.271.471.767	48%	48%
3.2	Kinh phí cải cách tiền lương (nguồn 14 của 13)	1.944.000.000	0	0%	
3.3	Kinh phí chi không thường xuyên (nguồn 12)	1.115.000.000	684.778.869	61%	-10%
3.4	Kinh phí cải cách tiền lương (nguồn 14 của 12)	8.169.000.000	4.621.196.457	57%	164%
3.5	Kinh phí khen thưởng (nguồn 18)	0	360.930.000		

Ngày 13 tháng 1 năm 2025

Người lập biểu



Nguyễn Vũ Lệ Hoa

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Thị Kim Phụng

Quận 7, ngày 13 tháng 1 năm 2025

**CÔNG KHAI THUYẾT MINH TÌNH HÌNH THỰC HIỆN
DỰ TOÁN THU-CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC
QUÝ 4 NĂM 2024**

Căn cứ Nghị định 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/09/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 61/2017/TT-BTC ngày 15/06/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách Nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 4539/QĐ-UBND ngày 29/12/2023 về giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2024;

Căn cứ Quyết định số 1877/QĐ-UBND ngày 26/08/2024 về điều chỉnh dự toán chi ngân sách năm 2024 cho các Trường tiểu học công lập trực thuộc quận.

Căn cứ Quyết định số 2268/QĐ-UBND ngày 11/10/2024 về việc điều chỉnh dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2024;

Căn cứ Quyết định số 2564/QĐ-UBND ngày 24/10/2024 về việc điều chỉnh dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2024;

Căn cứ Công văn số 6811/UBND-TCKH ngày 24/10/2024 về số sử dụng từ nguồn cải cách tiền lương ngân sách Thành phố giao dự toán năm 2024 và nguồn cải cách tiền lương năm trước chuyển sang để thực hiện chi phần chênh lệch tăng thêm (lần 2);

Căn cứ Quyết định số 2819/QĐ-UBND ngày 14/11/2024 về việc bổ sung dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2024 (Tăng mức lương cơ sở, quỹ tiền thưởng, quỹ phụ cấp của người hoạt động không chuyên trách ở khu phố, thu nhập tăng thêm);

Căn cứ Quyết định số 2812/QĐ-UBND ngày 14/11/2024 về việc điều chỉnh dự toán chi ngân sách năm 2024;

Căn cứ Quyết định số 3103/QĐ-UBND ngày 05/12/2024 về việc cắt giảm, tiết kiệm 5% chi thường xuyên năm 2024 theo Nghị quyết số 119/NQ-CP ngày 07 tháng 08 năm 2024 của Chính phủ.

Trường Tiểu học Nguyễn Thị Định công khai thuyết minh tình hình thực hiện dự toán ngân sách quý 4 năm 2024 cụ thể như sau:

I./ Tình hình thu - chi ngân sách:

1. Tình hình thực hiện thu:

- Dự toán năm 2023 còn dư chuyển sang: 1.947.814.511đ

- Dự toán giao đầu năm 2024: 22.258.000.000đ
- Dự toán bổ sung trong năm 2024: 3.967.319.000đ
- Dự toán được sử dụng trong năm 2024: 28.173.133.511đ
- Dự toán đã sử dụng quý 4 năm 2024: 10.938.377.093đ

2. Tình hình thực hiện chi:

- Tổng chi ngân sách quý 4 năm 2024 là 10.938.377.093 đồng, đạt 49% so với dự toán, bằng 163% so với cùng kỳ năm trước.

II./ Tình hình thu - chi nguồn thu sự nghiệp và thu hộ chi hộ:

1. Tình hình thực hiện thu:

- Thu từ nguồn thu sự nghiệp: 5.254.322.000 đồng, đạt 43% so với dự toán, bằng 89% so với cùng kỳ năm trước.

- Thu từ nguồn doanh thu tài chính: 2.513.510 đồng, đạt 23% so với dự toán, bằng 107% so với cùng kỳ năm trước.

- Thu từ nguồn thu nhập khác: 1.640.000 đồng, đạt 37% so với dự toán, bằng 37% so với cùng kỳ năm trước.

- Thu từ nguồn phải trả khách hàng: 0 đồng

- Thu từ nguồn thu hộ chi hộ: 6.470.693.114 đồng, đạt 47% so với dự toán, bằng 100% cùng kỳ năm trước.

2. Tình hình thực hiện chi:

- Chi từ nguồn thu sự nghiệp: 4.578.816.950 đồng, đạt 37% so với dự toán, bằng 83% so với cùng kỳ năm trước.

- Chi từ nguồn doanh thu tài chính: 1.597.415 đồng, đạt 14% so với dự toán, bằng 968% so với cùng kỳ năm trước.

- Chi từ nguồn thu nhập khác: 0 đồng

- Chi từ nguồn phải trả khách hàng: 0 đồng

- Chi từ nguồn thu hộ chi hộ: 6.420.702.805 đồng, đạt 47% so với dự toán, bằng 100% cùng kỳ năm trước.

Trên đây là báo cáo công khai thuyết minh tình hình thực hiện dự toán ngân sách nhà nước quý 4 năm 2024 của trường Tiểu học Nguyễn Thị Định.



Nguyễn Thị Kim Phụng

CÔNG KHAI THUYẾT MINH TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU-CHI NGUỒN NSNN, NGUỒN KHÁC
QUÝ 4 NĂM 2024

CHỈ TIÊU			DỰ TOÁN ĐÃ SỬ DỤNG ĐƯỢC GIAO TỪ NGUỒN NGÂN SÁCH						NGUỒN KHÁC		Ghi chú
MỤC	MÃ NDKT	NỘI DUNG CHI	13.622.072 (Chi thường xuyên - Nguồn 13)	14.622.072 (Cải cách tiền lương - Nguồn 14 của 13)	12.622.072 (Chi không thường xuyên - Nguồn 12)	14.622.072 (Cải cách tiền lương - Nguồn 14 của 12)	18.622.072 (Khen thưởng - Nguồn 18)	NGUỒN THU SỰ NGHIỆP	DOANH THU TÀI CHÍNH		
6000		Tiền lương	1.854.510.424	-	-	-	-	-	-		
6050	6001	Lương ngạch bậc theo quỹ lương được duyệt	1.854.510.424	-	-	-	-	-	-		
		Tiền công	20.715.812	-	-	-	-	920.088.352	-		
	6051	Tiền công	20.715.812	-	-	-	-	920.088.352	-		
6100		Phụ cấp lương	1.020.282.264	-	593.822.069	-	-	-	-		
	6101	Phụ cấp chức vụ:	26.967.436	-	-	-	-	-	-		
	6105	Phụ cấp làm đêm, thêm giờ	-	-	402.837.601	-	-	-	-		
	6112	Phụ cấp ưu đãi nhà giáo	637.952.606	-	190.984.468	-	-	-	-		
	6113	Phụ cấp trách nhiệm theo nghề	702.000	-	-	-	-	-	-		
	6115	Phụ cấp vượt khung, phụ cấp thâm niên nhà giáo	354.660.222	-	-	-	-	-	-		
6150		Học bổng và hỗ trợ khác cho học sinh, sinh viên, cán bộ đi học	-	-	18.900.000	-	-	-	-		
	6157	Hỗ trợ đối tượng chính sách chi phí học tập	-	-	18.900.000	-	-	360.930.000	-		
6200		Tiền thưởng	-	-	-	-	-	-	-		
	6249	Thưởng khác	-	-	-	-	-	-	-		
6300		Các khoản đóng góp	580.624.312	-	-	-	-	303.199.232	-		
	6301	Bảo hiểm xã hội	420.026.100	-	-	-	-	243.026.410	-		
	6302	Bảo hiểm y tế	74.122.249	-	-	-	-	41.927.545	-		
	6303	Kinh phí công đoàn	49.414.837	-	-	-	-	-	-		
	6304	Bảo hiểm thất nghiệp	24.707.420	-	-	-	-	8.538.858	-		
	6349	Các khoản đóng góp khác	12.353.706	-	-	-	-	9.706.419	-		
6400		Các khoản thanh toán cá nhân	-	-	28.306.800	4.621.196.457	-	213.100.000	-		
	6449	Chi khác	-	-	28.306.800	4.621.196.457	-	213.100.000	-		
6500		Thanh toán dịch vụ công cộng	155.853.684	-	-	-	-	34.326.775	-		
	6501	Tiền điện	48.876.833	-	-	-	-	18.457.375	-		
	6502	Tiền nước	28.108.080	-	-	-	-	12.269.400	-		
	6504	Vệ sinh, môi trường	78.868.771	-	-	-	-	3.600.000	-		
6550		Vật tư văn phòng	48.278.353	-	43.750.000	-	-	6.030.000	-		
	6551	Văn phòng phẩm	17.356.353	-	-	-	-	6.030.000	-		
	6552	Mua sắm công cụ, dụng cụ văn phòng	-	-	43.750.000	-	-	-	-		
	6599	Vật tư văn phòng khác	30.922.000	-	-	-	-	-	-		

ĐV tính: đồng

6600	Thông tin, tuyên truyền, liên lạc	4.591.999	-	-	-	4.675.998	-	-
6605	Cước phí internet	2.139.999	-	-	-	4.675.998	-	-
6608	Sách, báo, tạp chí thư viện	2.452.000	-	-	-	-	-	-
6650	Hội nghị	3.284.820	-	-	-	-	-	-
6699	Chi phí khác	3.284.820	-	-	-	-	-	-
6700	Công tác phí	2.000.000	-	-	-	-	-	-
6704	Khoản công tác phí	2.000.000	-	-	-	-	-	-
6750	Chi phí thuê mượn	39.459.600	-	-	-	-	-	-
6754	Thuế thiết bị các loại	4.000.000	-	-	-	-	-	-
6799	Chi phí thuê mượn khác	35.459.600	-	-	-	-	-	-
7000	Chi phí nghiệp vụ chuyên môn	72.494.559	-	-	-	2.766.689.767	-	-
7001	Chi mua hàng hóa, vật tư	56.719.929	-	-	-	139.869.667	-	-
7004	Đồng phục, trang phục, bảo hộ lao động	6.000.000	-	-	-	-	-	-
7012	Chi phí hoạt động nghiệp vụ chuyên ngành	-	-	-	-	2.612.820.100	-	-
7049	Chi khác	9.774.630	-	-	-	14.000.000	-	-
7750	Chi khác	-	-	-	-	103.849.615	1.597.415	-
7756	Chi các khoản phí và lệ phí	-	-	-	-	-	1.388.200	-
7799	Chi các khoản khác	-	-	-	-	-	209.215	Thuế
7950	Chi lập các quỹ	1.469.375.940	-	-	-	103.849.615	-	-
7951	Chi lập Quỹ bổ sung thu nhập	1.102.031.955	-	-	-	226.857.211	-	-
7952	Chi lập Quỹ phúc lợi	146.937.594	-	-	-	-	-	-
7953	Chi lập Quỹ khen thưởng	73.468.797	-	-	-	-	-	-
7954	Chi lập Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp	146.937.594	-	-	-	226.857.211	-	Khấu hao
	CỘNG	5.271.471.767	-	684.778.869	4.621.196.457	360.930.000	4.578.816.950	1.597.415

Người lập biểu



Nguyễn Vũ Lệ Hoa

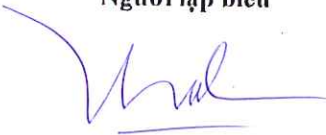


Nguyễn Thị Kim Phương

CÔNG KHAI THUYẾT MINH TÌNH HÌNH SỬ DỤNG CÁC QUỸ
QUÝ 4 NĂM 2024

STT	Chỉ tiêu	Quỹ Khen thưởng	Quỹ Phúc lợi	Quỹ Bổ sung thu nhập	Quỹ Phát triển hoạt động sự nghiệp	Tổng cộng
1	Số dư đầu kỳ	165.801.418	187.296.729	-	374.543.940	727.642.087
2	Số tăng trong kỳ	73.627.127	147.023.706	2.028.486.465	485.378.365	2.734.515.663
3	Số giảm trong kỳ	28.090.000	54.810.000	94.250.000	115.357.803	292.507.803
4	Số dư cuối kỳ	211.338.545	279.510.435	1.934.236.465	744.564.502	3.169.649.947

Người lập biểu



Nguyễn Vũ Lệ Hoa



Ngày 15 tháng 1 năm 2025

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Thị Kim Phượng

